

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 09 - 2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Ân

2. Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 08 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 09 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phí Thị S; sinh năm: 1990 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Thôn HT, xã TH, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Nơi ở hiện nay: Khu 3, thị trấn Kim Tân, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Q; sinh năm: 1985 (Vắng mặt lần thứ hai, không có lý do)

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn HT, xã TH, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/6/2022, bản tự khai ngày 26/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phí Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị S và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã VY, huyện VL, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới thì vợ chồng sống hòa thuận được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng.

Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Thời gian kéo dài khiến cả hai vô cùng mệt mỏi, chán nản, cả hai đều không còn quan tâm đến nhau nữa. Gia đình hai bên đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Vợ, chồng đã ly thân gần 01 năm nay. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 06/8/2013 và cháu Phạm Ngọc M, sinh ngày 28/4/2017. Ly hôn chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và giao cháu T cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn Q trình bày: Về hôn nhân, anh Q thống nhất với chị S về cơ sở và ngày tháng kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống mà không thể tự mình hàn gắn được, nay chị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh, anh không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng hòa giải để đoàn tụ. Về phần con chung và tài sản: Do anh Q chưa đồng ý ly hôn nên anh không trình bày ý kiến gì về hai vấn đề này. Nếu phải ly hôn thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong quá trình hòa giải chị S vẫn kiên quyết ly hôn nên anh Q đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án. Anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) công bố đơn xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn, công bố tóm tắt nội dung vụ án và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Phí Thị S được ly hôn anh Phạm Văn Q. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc Minh, sinh ngày 28/4/2017 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Ngọc Tiến, sinh ngày 06/8/2013 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị S, anh Q có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn là anh Phạm Văn Q đang cư trú tại thôn HT, xã TH, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Do trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương để xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị S, anh Q và đã thông báo cho các đương sự được biết về việc Tòa án đã thu thập được tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Trong quá trình hòa giải chị S vẫn giữ nguyên ý kiến của mình và đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Do các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị S vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS Tòa án xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về hôn nhân: Chị Phí Thị S và anh Phạm Văn Q có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã VY, huyện VL, tỉnh Thanh Hóa. Việc đăng ký kết hôn của chị S và anh Q là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì vợ, chồng sống hòa thuận được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ, chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay. Nay chị S xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q xét thấy tình cảm vẫn còn và mong muốn hòa giải, đoàn tụ. Tuy nhiên, chị S vẫn giữ nguyên ý kiến của mình và kiên quyết muốn ly hôn nên anh Q cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chứng tỏ anh, chị đều không còn mong muốn hàn gắn tình cảm nữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ, chồng giữa chị S và anh Q đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị S được ly hôn anh Q.

[3]. Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 06/8/2013 và cháu Phạm Ngọc M, sinh ngày 28/4/2017. Ly hôn chị S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mi và giao cháu T cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh Q đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Để đảm bảo quyền lợi và ổn định cuộc sống, cũng như nguyện vọng của các cháu. Xét yêu cầu của chị S là chính đáng và hợp pháp. Vì vậy, HĐXX nhận thấy nên chấp nhận yêu cầu của chị S, giao cháu M cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu T cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4]. Về tài sản, công nợ chung: Chị S và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS 2015; Điều 6, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phí Thị S được ly hôn anh Phạm Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc M, sinh ngày 28/4/2017 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Ngọc T, sinh ngày 06/8/2013 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh Q, chị S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phí Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số AA/2021/0007684 ngày 05/7/2022, chị S đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị S và anh Q. Chị S và anh Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã VY;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Quân